

Bản án số: 146/2019/DS-ST
Ngày: 10-7-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em
2. Bà Tống Thị Kim Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/DSST ngày 22/01/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Trụ sở: đường T, Phường L, quận H, Thành phố N.

Địa chỉ liên hệ: phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phát H – Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh doanh dịch vụ thẻ.

Là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 287/UQ-HCM.THE ngày 21/11/2018 (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Liên H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1A, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2018 và tại các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (Sau đây gọi là Ngân hàng) do ông Trần Phát H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/3/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có phát hành thẻ tín dụng AMEX số AV0713646 loại thẻ tín chấp cho bà Lê Thị Liên H với hạn mức thẻ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, hiệu lực của thẻ là 02 (Hai) năm từ tháng 03 năm 2011 đến tháng 03 năm 2013, lãi suất 17%/năm, thanh toán vào ngày 21 (Hai mươi mốt) hằng tháng.

Tháng 5/2011, sau khi nhận thẻ bà H đã sử dụng để chi tiêu, tổng số tiền bà H đã sử dụng là 168.225.522 (Một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi hai) đồng, tổng số tiền bà H đã thanh toán là 179.189.365 (Một trăm bảy mươi chín triệu một trăm tám mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Từ tháng 07/2015 đến nay bà H không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng mặc dù ngân hàng đã gửi sao kê thông báo hằng tháng, gọi điện thoại trực tiếp nhắc nhở, gửi công văn yêu cầu thanh toán với bà H để giải quyết công nợ.

Ngày 21/11/2018 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Liên H thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 21/11/2018 là 77.178.648 (Bảy mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi tám) đồng trong đó số tiền gốc còn nợ là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 11.070.647 (Mười một triệu không trăm bảy mươi ngàn sáu trăm bốn mươi bảy) đồng, nợ phí phạt là 48.584.103 (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ ba) đồng.

Tính đến ngày 10/7/2019 Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Liên H thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2019 là 99.963.070 (Chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn không trăm bảy mươi) đồng trong đó nợ gốc là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 13.045.788 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi tám) đồng, nợ phí phạt là 69.393.384 (Sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba ngàn ba trăm tám mươi bốn) đồng. Tất cả trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/3/2011 tính từ ngày 11/7/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ

Tại phiên tòa, ông Trần Phát H là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày : Nhằm tạo điều kiện cho bà Lê Thị Liên H thanh toán hết số tiền nợ thẻ trên, Ngân hàng đồng ý giảm cho bà Hoan tiền nợ phí phạt từ tháng 11/2018 đến tháng 7/2019 là 20.809.281 (Hai mươi triệu tám trăm lẻ chín ngàn

hai trăm tám mươi một) đồng. Do vậy, Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H thanh toán tổng số tiền còn nợ là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng trong đó nợ gốc là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 13.045.788 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi tám) đồng, nợ phí phạt là 48.584.103 (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ ba) đồng. Tất cả trả làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/3/2011 tính từ ngày 11/7/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Ngoài ra, ông H xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Liên H thanh toán số tiền còn nợ như trên nên Ngân hàng chỉ khởi kiện bà Lê Thị Liên H, không yêu cầu ai khác trong vụ kiện này.

* Bị đơn bà Lê Thị Liên H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 05/4/2019 và 25/4/2019 nhưng bà H không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Lê Thị Liên H. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 nhưng bà Lê Thị Liên H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Liên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Liên H thanh toán số tiền còn thiếu là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng. Bị đơn bà Lê Thị Liên H sinh năm 1980 có địa chỉ cư trú tại, phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, bà Lê Thị Liên H đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Liên H phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 10/7/2019 là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng trong đó nợ gốc là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 13.045.788 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi tám) đồng, nợ phí phạt là 48.584.103 (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ ba) đồng. Tất cả trả làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/3/2011 tính từ ngày 11/7/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Theo kết quả trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 18/2019/PYCXM ngày 21/02/2019 của Công an phường T, Quận 7 thì: “Bà Lê Thị Liên H hiện thường trú tại phường T, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lê Thị Liên H các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 40/2019/TBTL-DS ngày 22/01/2019; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/4/2019; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/4/2019; giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên

tòa số 45/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 nhưng bị đơn bà Lê Thị Liên H vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn bà Lê Thị Liên H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3.2] Ngân hàng thương mại cổ phần V hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0100112437) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội, đồng thời Ngân hàng thương mại cổ phần V – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Số tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng 0071003245930) ngày 15/3/2011 giữa Ngân hàng với bà Lê Thị Liên H, thì Ngân hàng có phát hành thẻ tín dụng AMEX số AV0713646 loại thẻ tín chấp cho bà Lê Thị Liên H với hạn mức thẻ là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Xét, chủ thẻ ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Sau khi phát hành thẻ, bà H đã nhận thẻ vào ngày 31/3/2011, bà H đã sử dụng để chi tiêu và thanh toán đến tháng 6/2015. Tính đến tháng 06/2015 bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 179.189.365 (Một trăm bảy mươi chín triệu một trăm tám mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Đến tháng 7/2015 thì bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nữa. Mặc dù Ngân hàng đã gửi sao kê thông báo hàng tháng, gọi điện thoại trực tiếp nhắc nhở, gửi công văn yêu cầu thanh toán với bà H nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Theo quy định tại điểm n khoản 2.2 Điều 2 trong Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/3/2011 thì bà H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các khoản vay (bao gồm cả gốc, lãi và phí phát sinh nếu có). Như vậy bà H đã ký tên xác nhận đồng ý và hiểu rõ các điều kiện và điều khoản tại bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng nhưng bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng này nên Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/3/2011 thì bà H phải chịu phí chậm trả và lãi suất trong

hạn. Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất đối với hợp đồng thẻ tín dụng là 17%/năm vào thời điểm xét xử sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/3/2011, bà H đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn, nghĩa là bà H mặc nhiên đồng ý thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các khoản phải trả trong kỳ, chịu các phí, lãi suất phát sinh.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nhằm tạo điều kiện cho bà H thanh toán hết số tiền nợ thẻ trên, Ngân hàng đồng ý giảm cho bà H tiền nợ phí phạt từ tháng 11/2018 đến tháng 7/2019 là 20.809.281 (Hai mươi triệu tám trăm lẻ chín ngàn hai trăm tám mươi một) đồng. Do vậy, Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H thanh toán tổng số tiền còn nợ là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng trong đó nợ gốc là 17.523.898 (Mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi 13.045.788 (Mười ba triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi tám) đồng, nợ phí phạt là 48.584.103 (Bốn mươi tám triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm lẻ ba) đồng. Việc không yêu cầu bà H phải thanh toán thêm tiền nợ phí phạt tổng cộng là 20.809.281 (Hai mươi triệu tám trăm lẻ chín ngàn hai trăm tám mươi một) đồng từ tháng 11/2018 đến tháng 7/2019 của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10/7/2019 là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Số tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng 0071003245930) ngày 15/3/2011 kể từ ngày 11/7/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 1.929.466 (Một triệu chín trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V, bà Lê Thị Liên H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Liên H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Buộc bị đơn bà Lê Thị Liên H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2019 là 79.153.789 (Bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi chín) đồng, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2019, bà Lê Thị Liên H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Số tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng 0071003245930) ngày 15/3/2011 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 15/3/2011, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà bà Lê Thị Liên H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Lê Thị Liên H phải chịu án phí là 3.957.689 (Ba triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi chín) đồng

- Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.929.466 (Một triệu chín trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0026623 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn bà Lê Thị Liên H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo